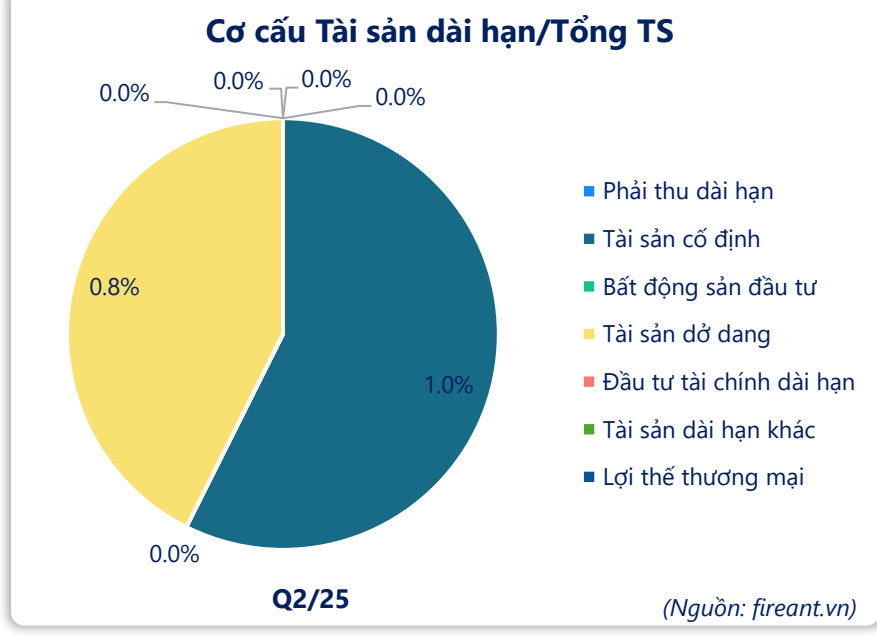
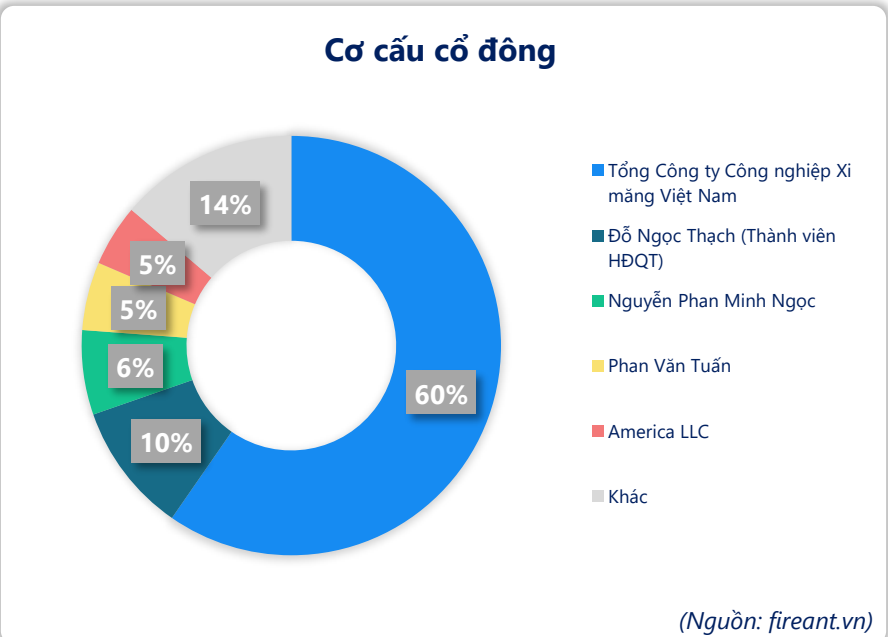
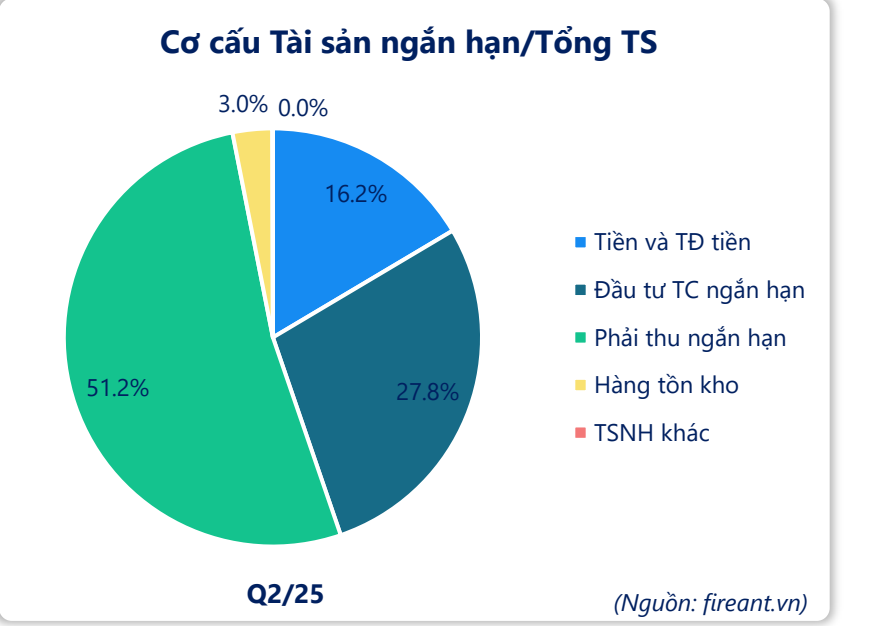
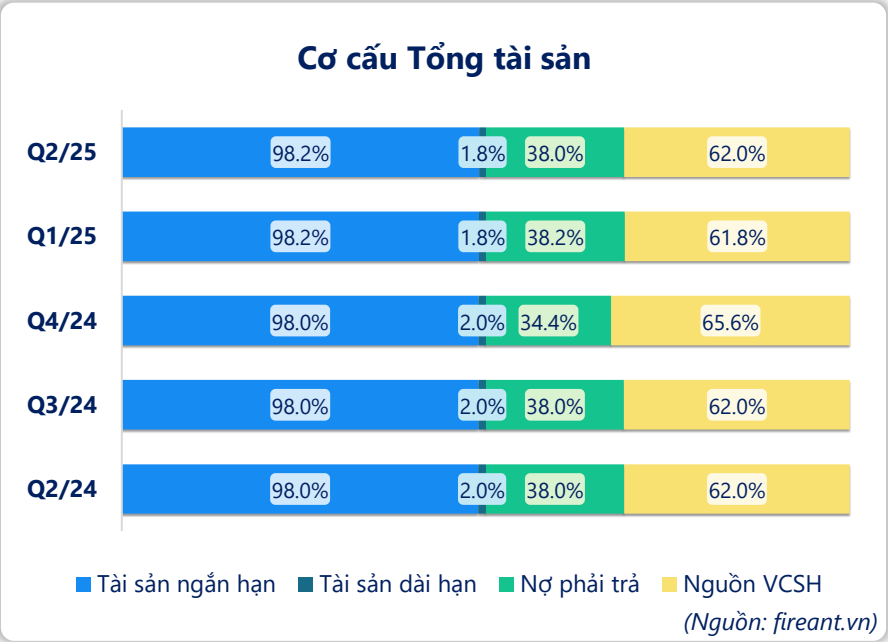
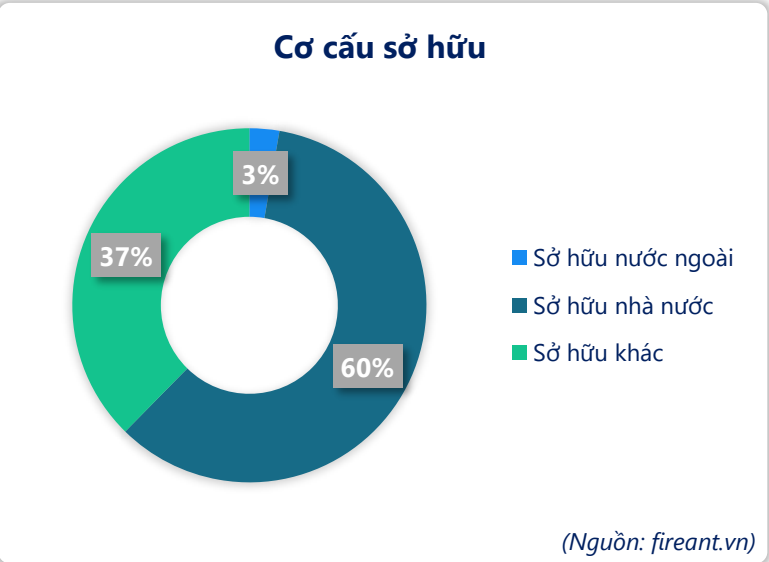
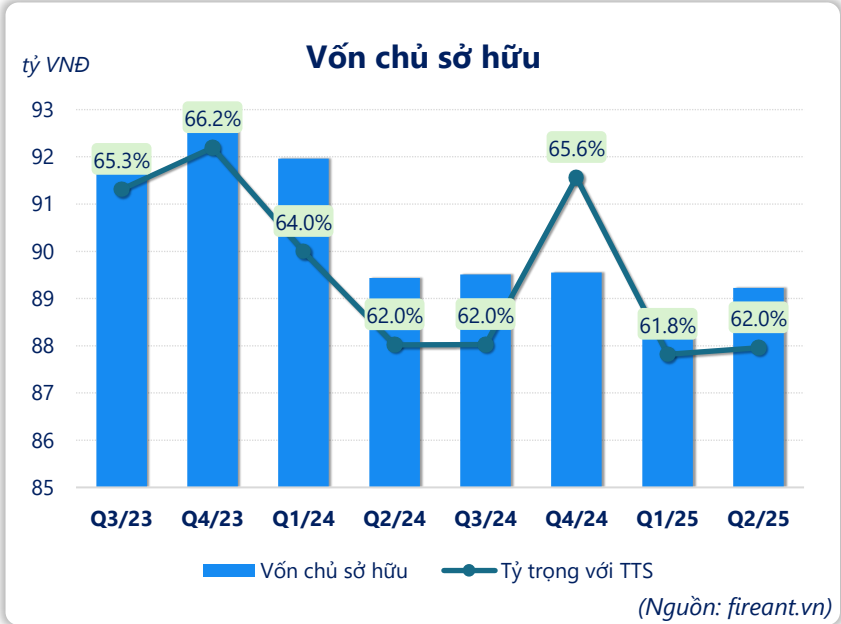
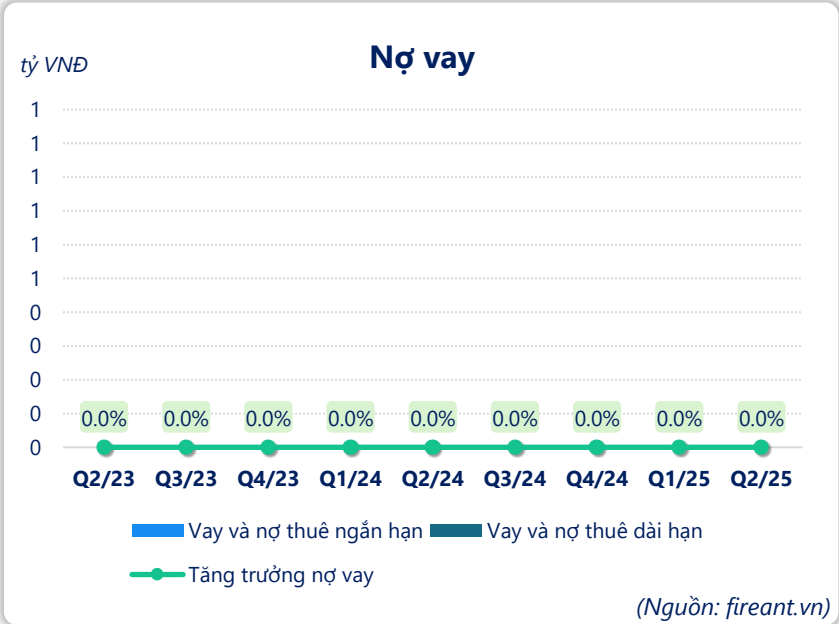
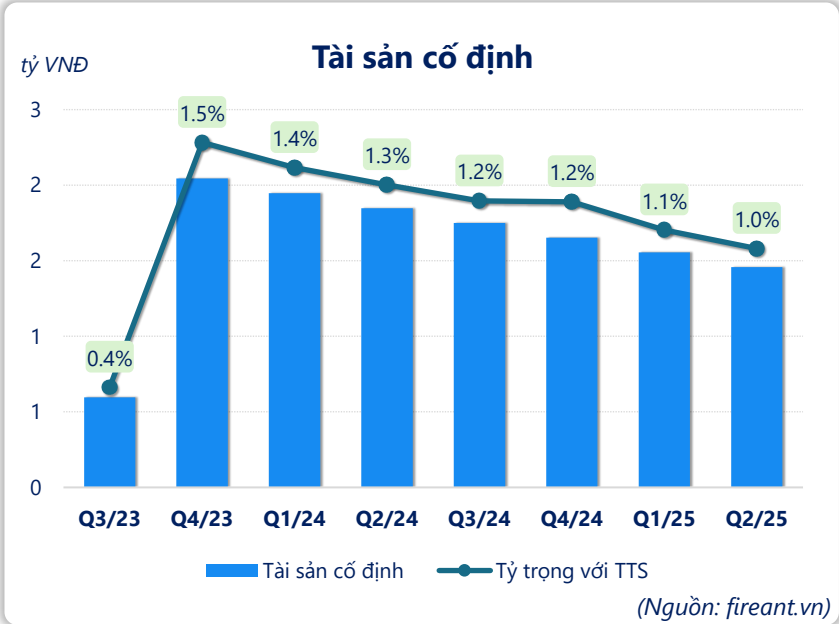
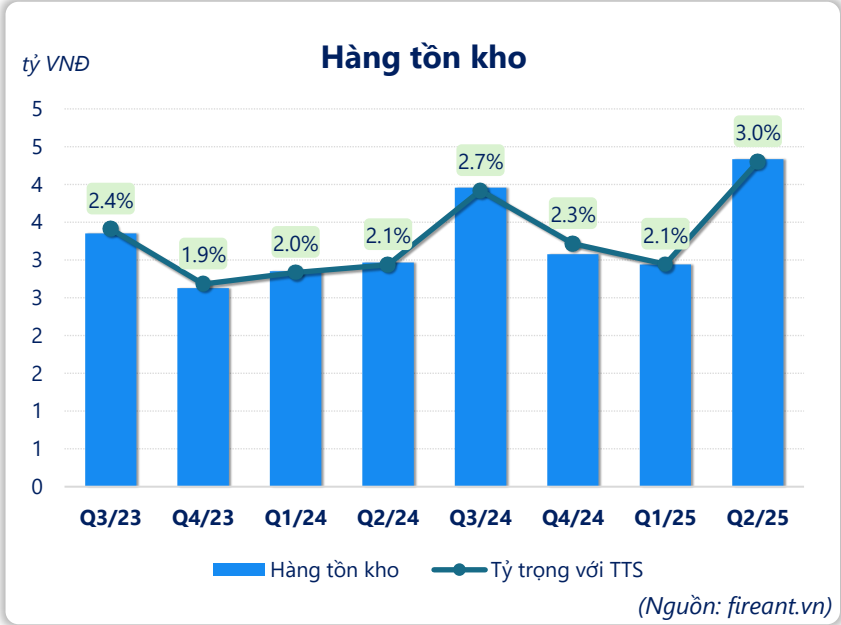
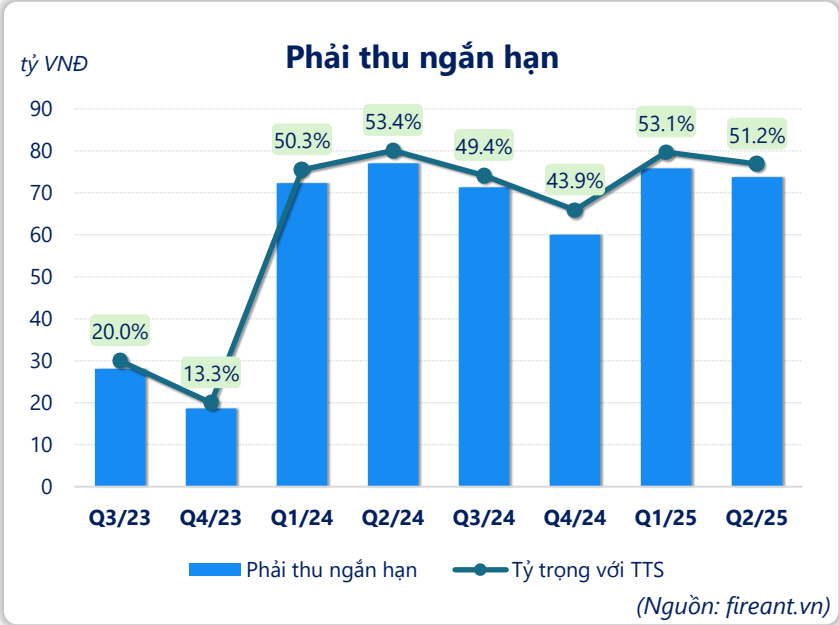
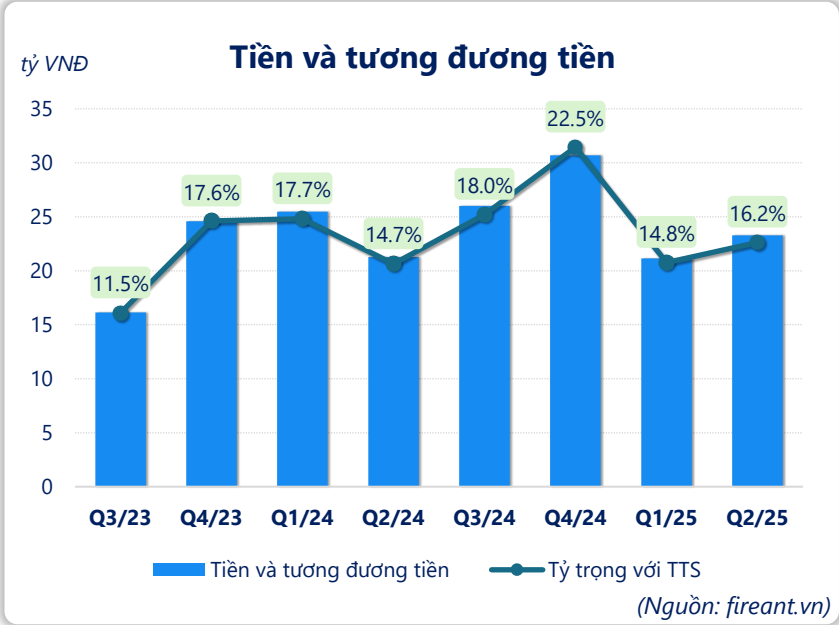
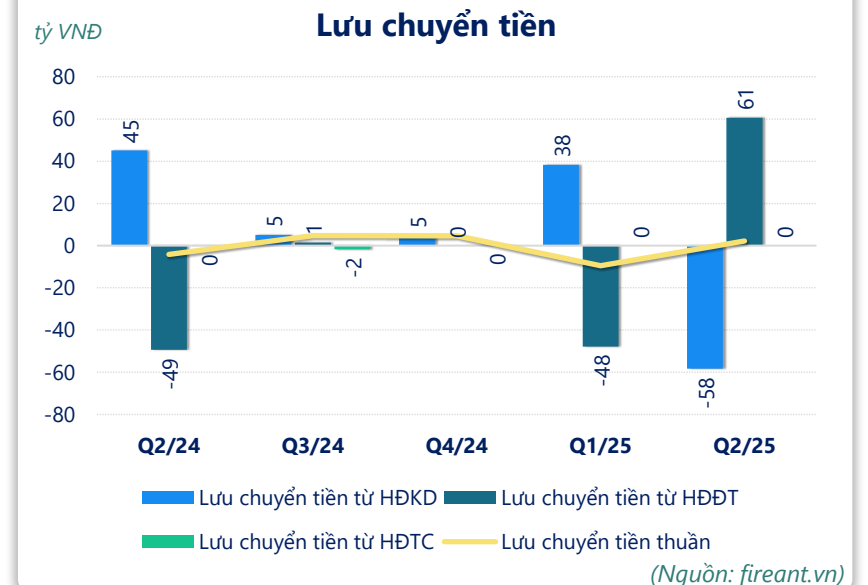
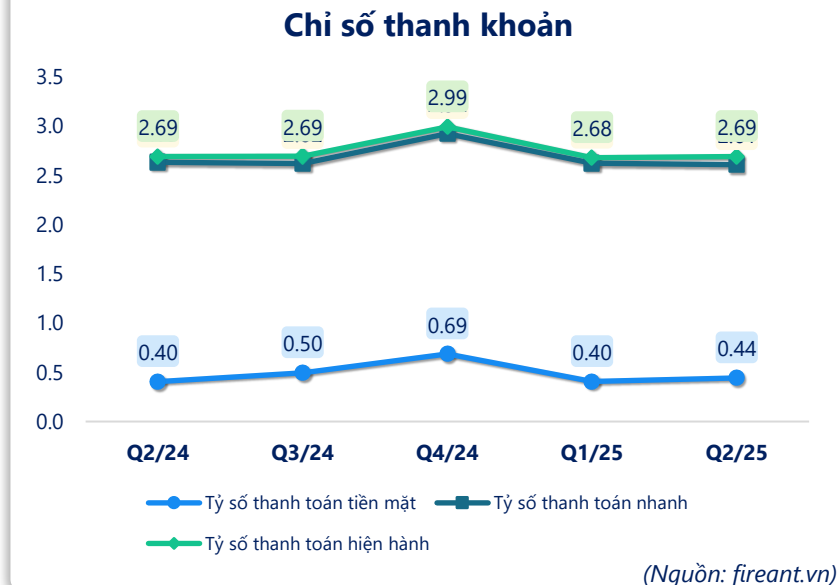
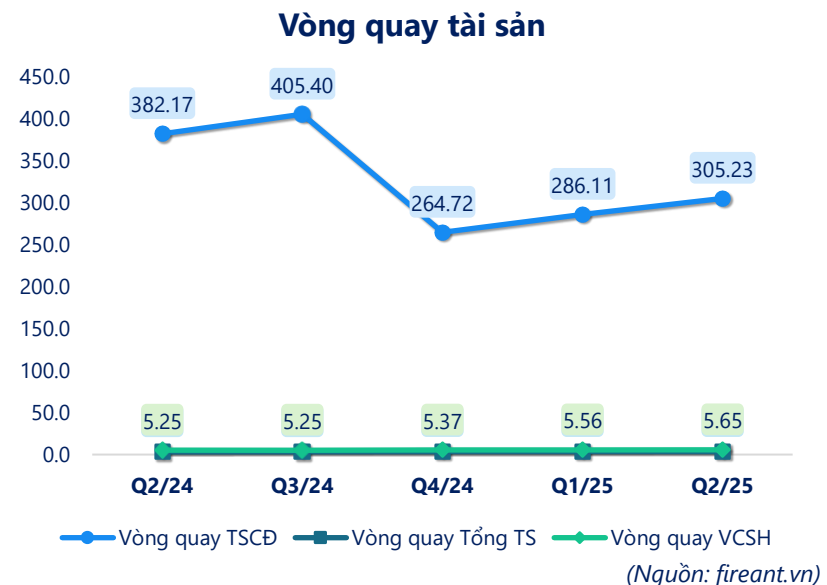
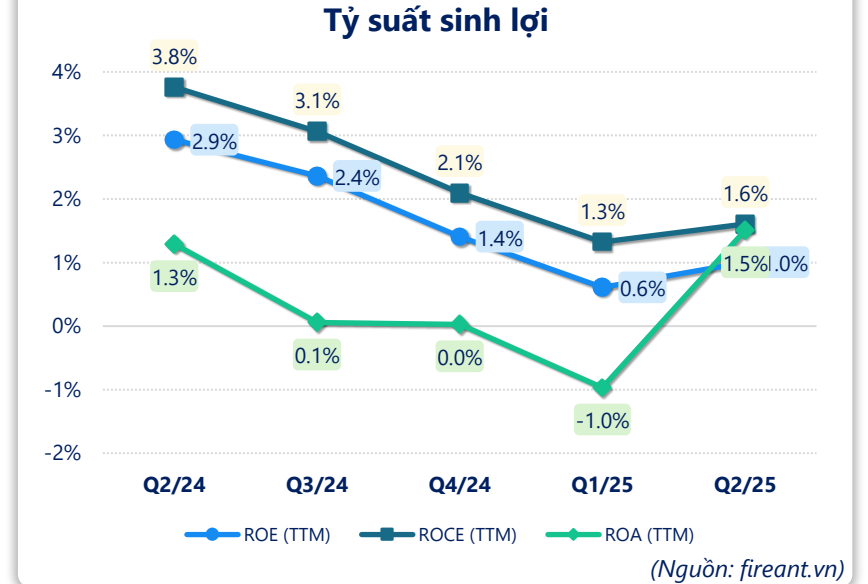
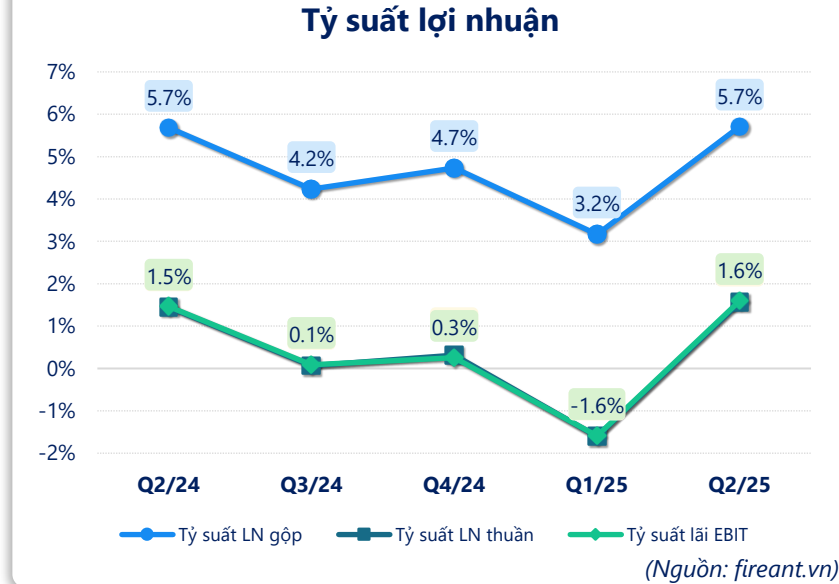
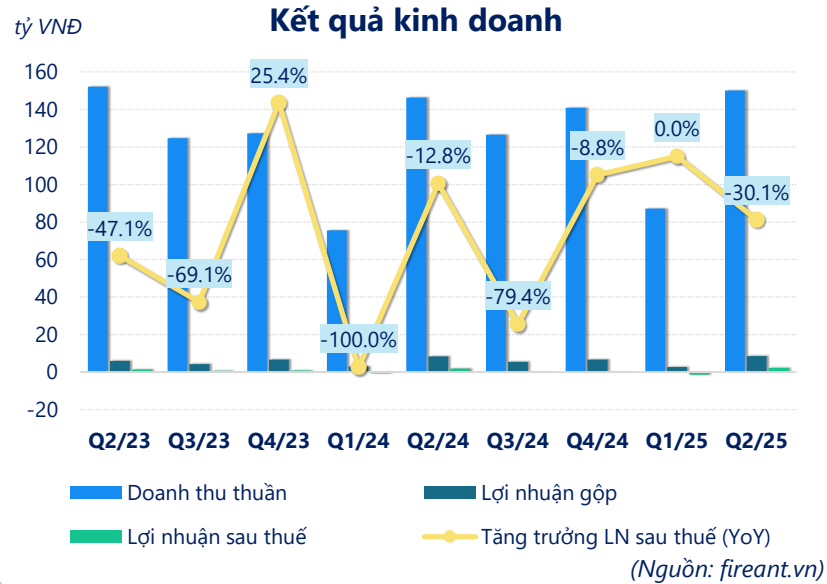


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,149
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,922
SL cổ phiếu LH		6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,665
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		56
P/E		62.1
EPS		150

	YTD	1T	3T	6T
TMX	-3.9%	-8.6%	-12.0%	-3.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	144	137	5.4%
Tài sản ngắn hạn	141	134	5.7%
Tiền và tương đương tiền	23.3	30.7	-24.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	40.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	73.8	60.0	22.9%
Hàng tồn kho	4.33	3.08	41.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.08	-22.0%
Tài sản dài hạn	2.54	2.73	-7.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.46	1.65	-11.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.08	1.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	54.8	47.0	16.5%
Nợ ngắn hạn	52.6	44.7	17.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	38.2	26.4	44.5%
Nợ dài hạn	2.19	2.29	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	89.2	89.5	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	89.2	89.5	-0.4%
Vốn điều lệ	6.00	60.0	-90.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	146	127	141	87.1	150
Giá vốn hàng bán	138	121	134	84.4	141
Lợi nhuận gộp	8.32	5.36	6.66	2.76	8.57
Doanh thu HĐTC	1.10	1.08	1.10	1.09	1.18
Chi phí TC	0.59	0.57	0.67	0.42	0.69
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.71	2.84	2.95	2.44	3.35
Chi phí QLDN	3.00	2.95	3.69	2.38	3.38
LN thuần từ HĐKD	2.12	0.08	0.45	-1.40	2.34
Lợi nhuận khác	0.02	0.03	-0.09	0.01	0.06
LN trước thuế	2.14	0.11	0.36	-1.39	2.39
Lợi nhuận sau thuế	1.82	0.08	0.04	-1.39	2.17
LNST của CĐ cty mẹ	1.82	0.08	0.04	-1.39	2.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.1	5.08	4.68	38.3	-58.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-49.3	1.43	0.01	-47.8	60.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-1.78	-0.01	0	0
Tiền đầu kỳ	25.5	21.3	26.0	30.7	21.2
Lưu chuyển tiền thuần	-4.20	4.74	4.68	-9.53	2.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.3	26.0	30.7	21.2	23.3

(Nguồn: fireant.vn)